

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN NỘI BỘ CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC MIỀN NAM

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 07/QĐ-HĐQT
ngày 28/10/2021 của Hội đồng quản trị)

CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Những căn cứ pháp lí

1. Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
2. Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
3. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
4. Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
5. Quyết định số 450/QĐ-UBCK ngày 14/7/2021 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành Quy chế hướng dẫn công ty đại chúng sử dụng hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
6. Quyết định số 606/QĐ-SGDHN ngày 29/9/2016 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về việc ban hành Quy chế công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;
7. Tài liệu hướng dẫn sử dụng hệ thống quản lí thông tin công ty dành cho công ty niêm yết / đăng kí giao dịch trên sàn HNX (CIMS);
8. Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định việc công bố thông tin của Công ty cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Đồng thời, quy định việc phối hợp quan hệ công tác giữa các tập thể, cá nhân thuộc công ty và các đối tượng khác trong việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin.
2. Đối tượng áp dụng:
 - a. Người công bố thông tin;
 - b. Người nội bộ, người có liên quan của Công ty, người có liên quan của người nội bộ, cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của Công ty;
 - c. Các tập thể, cá nhân thuộc Công ty gồm: Phòng Tổ chức – Hành chính, Phòng Kế toán – Tài vụ, Thư kí Hội đồng quản trị.

Điều 3. Kí hiệu viết tắt

- UBCKNN: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

- IDS PRO: Hệ thống công bố thông tin của UBCKNN
- SGDCK / HNX: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
- CIMS: Hệ thống quản lí thông tin công ty của HNX
- VSD: Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam
- TTCKVN: Thị trường chứng khoán Việt Nam
- CBTT: Công bố thông tin
- HĐTV: Hội đồng thành viên
- ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông
- HĐQT: Hội đồng quản trị
- BKS: Ban kiểm soát
- KSV: Kiểm soát viên
- TGD: Tổng Giám đốc
- PTGD: Phó Tổng Giám đốc
- KTT: Kế toán trưởng
- P.KT-TV: Phòng Kế toán – Tài vụ
- P.TC-HC: Phòng Tổ chức – Hành chính
- BCTC: Báo cáo tài chính
- GCNĐKDN: Giấy chứng nhận đăng kí doanh nghiệp
- NCLQ: Người có liên quan
- NXBGDVN: Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

1. “Công ty” là Công ty cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam, giấy chứng nhận đăng kí kinh doanh số 0309902130, đăng kí lần đầu ngày 02/4/2010, đăng kí thay đổi lần thứ 7 vào ngày 09/02/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.
2. “Công ty Miền Nam” là Công ty cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam.
3. “Điều lệ Công ty” là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam.
4. “Công ty mẹ” là NXBGDVN.
5. “Người nội bộ” là:
 - a. Thành viên HĐQT, thành viên BKS, KSV, thành viên Ban kiểm toán nội bộ;
 - b. TGD, PTGD hoặc các chức danh tương đương do ĐHĐCĐ hoặc HĐQT bổ nhiệm, cá nhân giữ chức danh quản lí khác có thẩm quyền nhân danh công ty kí kết giao dịch của công ty theo quy định tại Điều lệ Công ty;
 - c. Giám đốc tài chính, KTT, Trưởng Phòng Kế toán – Tài vụ, người phụ trách kế toán;

- d. Người đại diện pháp luật, người được uỷ quyền CBTT, người phụ trách quản trị công ty, thư kí công ty.
6. “Người CBTT” là người đại diện theo pháp luật của công ty hoặc người được uỷ quyền CBTT. Người đại diện theo pháp luật của công ty phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, kịp thời và đầy đủ về thông tin do người được uỷ quyền CBTT công bố.
7. “Người có liên quan” cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán, gồm:
- a. Công ty mẹ, người quản lí công ty mẹ, người đại diện theo pháp luật của công ty mẹ và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lí đó đối với công ty con trong nhóm công ty;
 - b. Công ty con, người quản lí và người đại diện theo pháp luật của công ty con;
 - c. Cá nhân, tổ chức hoặc nhóm cá nhân, tổ chức có khả năng chi phối việc ra quyết định, hoạt động của doanh nghiệp đó thông qua sở hữu, đầu tư cổ phần góp vốn hoặc thông qua quyết định của công ty;
 - d. Người quản lí doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật, kiểm soát viên;
 - e. Vợ, chồng, cha đẻ, cha nuôi, cha chồng, cha vợ, mẹ đẻ, mẹ nuôi, mẹ chồng, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lí công ty, người đại diện theo pháp luật, kiểm soát viên, thành viên và cổ đông sở hữu cổ phần góp vốn hay cổ phần chi phối;
 - f. Cá nhân là người đại diện theo uỷ quyền của công ty, tổ chức quy định tại điểm a, b và c khoản này;
 - g. Doanh nghiệp trong đó cá nhân, công ty, tổ chức quy định tại các điểm a, b, c, d, e và f khoản này có sở hữu đến mức chi phối việc ra quyết định của công ty;
 - h. Doanh nghiệp và người nội bộ của doanh nghiệp đó;
 - i. Doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc góp vốn của doanh nghiệp đó;
 - j. Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;
 - k. Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia.
8. “Người quản lí doanh nghiệp” là người quản lí công ty và người quản lí doanh nghiệp tư nhân, bao gồm chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp doanh, Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, Chủ tịch công ty, Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, TGD và các cá nhân giữ chức danh quản lí khác có thẩm quyền nhân danh công ty kí kết giao dịch của công ty theo quy định tại Điều lệ Công ty.
9. “Ngày CBTT” là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện CBTT quy định tại Điều 8 Quy chế này.
10. “Ngày báo cáo về việc CBTT” là ngày gửi fax, gửi dữ liệu điện tử qua email, ngày thông tin được tiếp nhận trên hệ thống thông tin điện tử của UBCKNN, SGDK

hoặc ngày UBCKNN, SGDCK nhận được văn bản báo cáo về việc CBTT, tùy theo thời điểm nào đến trước.

11. “Dữ liệu điện tử dùng CBTT” là dữ liệu có định dạng word/excel/pdf (word/excel sử dụng bảng mã Unicode).

12. “Bản scan văn bản dùng CBTT” phải có đầy đủ nội dung theo quy định đối với văn bản hợp lệ.

13. “Văn bản hợp lệ” là bản chính hoặc bản sao hợp lệ. Yêu cầu của văn bản hợp lệ:

- a. Đối với văn bản của cá nhân: Văn bản có họ tên và chữ kí của cá nhân;
- b. Đối với văn bản của tổ chức: Văn bản có xác nhận của người có thẩm quyền, bao gồm họ tên, chức vụ, chữ kí của người có thẩm quyền, đóng dấu.

14. “Trang thông tin điện tử” là website của Công ty <https://sobee.vn>.

15. “Số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của công ty đại chúng” là số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty đã phát hành trừ đi số cổ phiếu có quyền biểu quyết được công ty đại chúng mua lại làm cổ phiếu quỹ.

16. “Tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán là tổ chức kiểm toán được UBCKNN chấp thuận thực hiện kiểm toán, soát xét BCTC, các thông tin tài chính và các báo cáo khác của các đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán.

Điều 5. Nguyên tắc CBTT

1. Việc CBTT phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật.

2. Đối tượng CBTT phải theo quy định tại Khoản 2 Điều 2 Quy chế này phải chịu trách nhiệm về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, đối tượng CBTT phải công bố nội dung thay đổi và lí do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó;

3. Khi CBTT, đối tượng CBTT tại Khoản 2 Điều 2 Quy chế này phải đồng thời báo cáo UBCKNN và HNX về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định;

4. Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm: Số thẻ căn cước công dân, chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, email, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu kí chứng khoán, số tài khoản ngân hàng chỉ được thực hiện nếu chủ thẻ liên quan đồng ý;

5. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại Khoản 4 Điều 5 Quy chế này và các đối tượng CBTT không muốn công khai các thông tin này thì phải gửi UBCKNN và HNX 02 (hai) bản tài liệu, trong đó 01 (một) bản báo cáo về việc CBTT bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 (một) bản báo cáo không bao gồm thông tin cá nhân để UBCKNN và HNX thực hiện CBTT.

CHƯƠNG II

TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 6. Hình thức cung cấp thông tin công bố

Tất cả các thông tin cung cấp phục vụ cho việc CBTT đều được thực hiện bằng văn bản hoặc dữ liệu điện tử đính kèm nội dung theo yêu cầu của UBCKNN, HNX,...

Điều 7. Các nội dung CBTT

1. Các tập thể, cá nhân quy định tại điểm a và c Khoản 2 Điều 2 Quy chế này thực hiện CBTT theo quy định tại Phụ lục 1 đính kèm Quy chế này.

2. Các tập thể, cá nhân quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 2 Quy chế này thực hiện CBTT theo quy định tại Phụ lục 2 đính kèm Quy chế này.

Điều 8. Phương tiện CBTT

<i>Stt</i>	<i>Đối tượng tiếp nhận CBTT</i>	<i>Phương tiện CBTT</i>
1	Công ty	Chuyên mục về quan hệ cổ đông trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty.
2	UBCKNN	Hệ thống CBTT của UBCKNN – IDS Pro
3	SGDCK	Trang thông tin điện tử của HNX – Hệ thống CIMS
4	Phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định của pháp luật trong một số trường hợp	Trang thông tin điện tử của VSD, báo in, báo điện tử,...

1. Trường hợp nghĩa vụ CBTT phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật, Công ty vẫn thực hiện CBTT trên chuyên mục về quan hệ cổ đông của Công ty vào ngày nghỉ, ngày lễ; Công ty thực hiện đầy đủ nghĩa vụ CBTT khác theo quy định của pháp luật sau khi ngày nghỉ, ngày lễ kết thúc;

2. Công ty khi lập trang thông tin điện tử phải báo cáo với UBCKNN, HNX và công khai địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất việc lập trang thông tin điện tử hoặc khi thay đổi địa chỉ trang thông tin điện tử này;

3. Trang thông tin điện tử phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin, đồng thời phải đảm bảo nhà đầu tư có thể dễ dàng tìm kiếm và tiếp cận các dữ liệu trên trang thông tin điện tử;

4. Các thông tin công bố định kỳ, thông tin về việc đăng ký công ty đại chúng phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của đối tượng công bố thông tin tối thiểu là 05 năm;

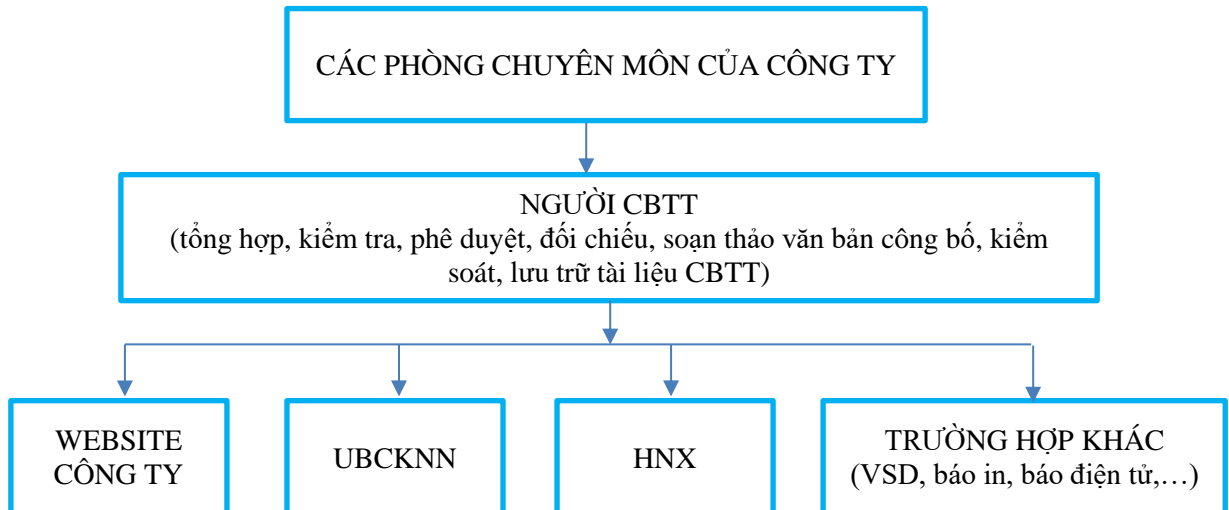
5. Các thông tin công bố bất thường hoặc theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của đối tượng công bố thông tin tối thiểu 05 năm.

Điều 9. Xử lý thông tin công bố

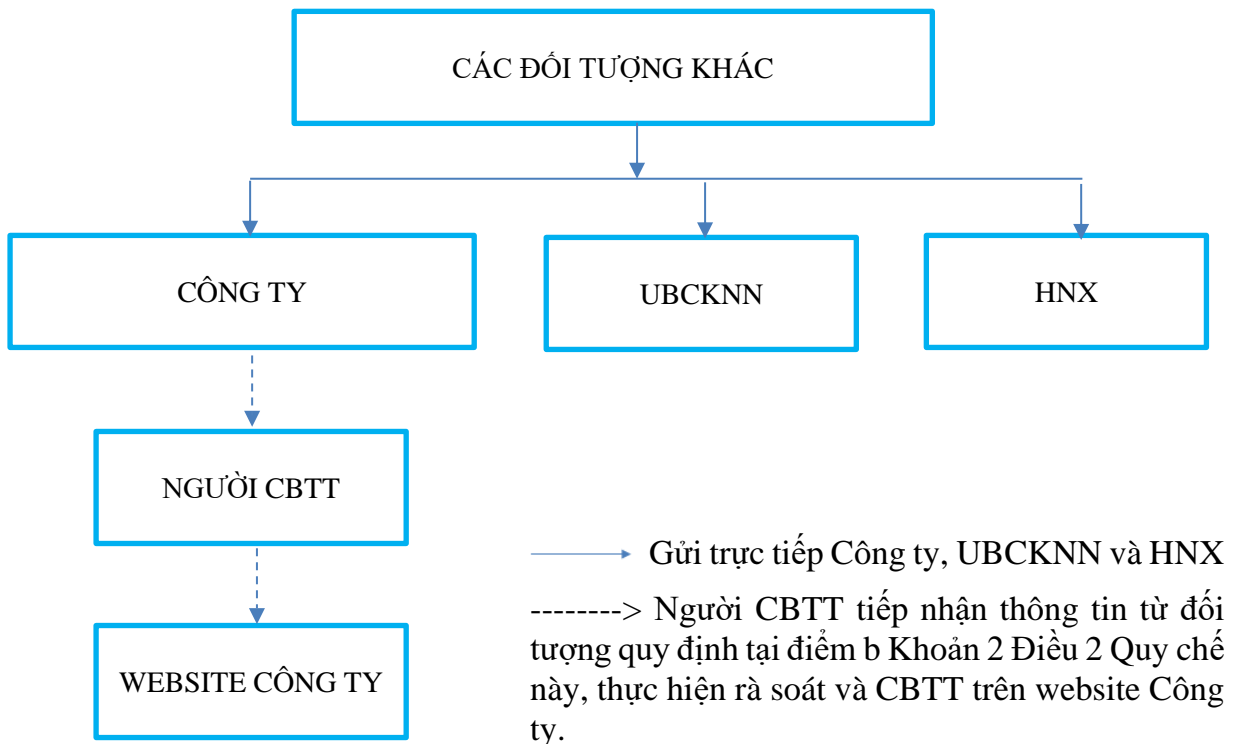
Người CBTT trong phạm vi chức năng của mình, tiến hành kiểm tra tính chính xác của các nội dung báo cáo, công bố của các đối tượng được quy định tại Khoản 2 Điều 2 Quy chế này; thực hiện đối chiếu báo cáo với các quy định hiện hành về CBTT của UBCKNN, HNX; chỉnh sửa hoặc lập báo cáo mới, công bố theo hướng dẫn của UBCKNN, HNX.

Điều 10. Sơ đồ quy trình công bố thông tin nội bộ

1. Áp dụng cho các tập thể, cá nhân quy định tại điểm a và c Khoản 2 Điều 2 Quy chế này



2. Áp dụng cho các tập thể, cá nhân quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 2 Quy chế này



Điều 11. Trách nhiệm phối hợp giữa người CBTT và các tập thể, cá nhân theo quy định tại Khoản 2 Điều 2 Quy chế này

1. Người CBTT chịu trách nhiệm về thực hiện nghĩa vụ CBTT của Công ty với UBCKNN, HNX, nhà đầu tư và những người có liên quan khác theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Khi phát sinh các thông tin phải công bố theo quy định, các tập thể, cá nhân được quy định tại Khoản 2 Điều 2 Quy chế này phải ngay lập tức lập báo cáo, công bố theo quy định hiện hành gửi người CBTT hoặc thông báo trực tiếp cho người CBTT. Trưởng các phòng chuyên môn chịu trách nhiệm về tính chính xác và kịp thời của các thông tin cung cấp cho người CBTT.

3. Đối với những thông tin bất thường, thông tin cung cấp theo yêu cầu phải công bố theo quy định, các phòng chuyên môn có trách nhiệm cung cấp thông tin cho người CBTT trong vòng 08 (tám) giờ đồng hồ kể từ khi phát sinh sự kiện CBTT.

4. Người CBTT phải giám sát việc CBTT và báo cáo HĐQT kết quả thực hiện.

CHƯƠNG III

XỬ LÝ VI PHẠM VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Xử lý vi phạm

1. Các đối tượng được quy định tại Khoản 2 Điều 2 Quy chế này có hành vi vi phạm các quy định tại Quy chế này, vi phạm các quy định của pháp luật gây thiệt hại cho Công ty liên quan đến việc thực hiện, quản lý hoạt động CBTT thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Việc xử lý vi phạm về CBTT được thực hiện theo Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan.

3. TGD có quyền đưa ra các hình thức xử lý vi phạm phù hợp với chức năng và quyền hạn của mình đối với các trường hợp vi phạm về CBTT.

4. Trường hợp vi phạm nghiêm trọng, vượt quá thẩm quyền giải quyết của TGD, TGD sẽ báo cáo HĐQT xử lý vi phạm theo quy định.

Điều 13. Thẩm quyền xử lý vi phạm

1. Đối với vi phạm phát sinh từ người CBTT: Việc xử lý vi phạm sẽ được thực hiện theo quy định pháp luật và thẩm quyền của HĐQT.

2. Đối với vi phạm phát sinh từ cá nhân trực thuộc phòng, ban chuyên môn: Việc xử lý vi phạm sẽ được thực hiện theo quy định pháp luật và thẩm quyền của TGD.

Điều 14. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

1. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do HĐQT quyết định. Các nội dung sửa đổi, bổ sung phải phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong những trường

hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của pháp luật đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh.

Điều 14. Hiệu lực của Quy chế

1. Quy chế này gồm 3 chương, 14 điều, được HĐQT Công ty Miền Nam nhất trí thông qua ngày 28/10/2021 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế này.
2. Quy chế này là duy nhất và chính thức của công ty./.

PHỤ LỤC 1

NỘI DUNG CBTT CHI TIẾT CỦA CÁC TẬP THỂ, CÁ NHÂN

<i>Stt</i>	<i>Nội dung CBTT</i>	<i>Thời hạn CBTT</i>	<i>Bộ phận cung cấp</i>
A	CBTT ĐỊNH KÌ		
I	BCTC		
1	BCTC quý	Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý	P.KT-TV
2	BCTC quý đã được soát xét (nếu có)	Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán kế nhưng không vượt quá 45 ngày kể từ ngày kết thúc quý	P.KT-TV
3	BCTC bán niên đã được soát xét	Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán kế nhưng không vượt quá 45 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính	P.KT-TV
4	BCTC năm đã được kiểm toán	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán kế nhưng không vượt quá 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính	P.KT-TV
5	<p><i>BCTC phải CBTT giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ công bố thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước; - Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ hoặc chuyển từ lãi của kỳ trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại; - Lợi nhuận sau thuế tại kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại. 	CBTT đồng thời với BCTC cần giải trình	P.KT-TV
II	BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN		
6	Báo cáo thường niên	Chậm nhất 20 ngày sau ngày công bố BCTC năm đã được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính	P.TC-HC

<i>Stt</i>	<i>Nội dung CBTT</i>	<i>Thời hạn CBTT</i>	<i>Bộ phận cung cấp</i>
III BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY			
7	Báo cáo tình hình quản trị công ty bán niên	Chậm nhất 30 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm dương lịch	P.TC-HC
8	Báo cáo tình hình quản trị công ty năm	Chậm nhất 30 ngày kể từ ngày kết thúc năm dương lịch	P.TC-HC
9	Bảng cung cấp thông tin quản trị công ty theo định dạng Excel <i>Mẫu 09_CBTT/SGDHN</i>	Gửi kèm báo cáo tình hình quản trị công ty đến HNX	P.TC-HC
IV ĐHĐCĐ			
10	CBTT về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ	Tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng kí cuối cùng	Thư kí HĐQT
11	Tài liệu họp ĐHĐCĐ	Chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ	Thư kí HĐQT
12	Biên bản họp và Nghị quyết ĐHĐCĐ <i>(Trường hợp ĐHĐCĐ thông qua việc huỷ niêm yết, công ty phải CBTT về việc huỷ niêm yết kèm theo tỉ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn)</i>	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi thông qua Nghị quyết và Biên bản họp ĐHĐCĐ	Thư kí cuộc họp ĐHĐCĐ
V LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN			
13	CBTT về việc lập danh sách cổ đông có quyền biểu quyết bằng văn bản	Tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng kí cuối cùng	Thư kí HĐQT
14	Phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết	Chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến	Thư kí HĐQT
15	Biên bản kiểm phiếu và Nghị quyết ĐHĐCĐ <i>(Trường hợp ĐHĐCĐ thông qua việc huỷ niêm yết, công ty phải CBTT về việc huỷ niêm yết kèm theo tỉ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn)</i>	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi thông qua Nghị quyết và Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông	Thư kí HĐQT
VII DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NHÀ NƯỚC, CỔ ĐÔNG LỚN			
16	Danh sách cổ đông Nhà nước, cổ đông lớn tại thời điểm 06 tháng đầu năm dương lịch	Chậm nhất là ngày 30/7 (<i>căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 30/6</i>)	P.TC-HC
17	Danh sách cổ đông Nhà nước, cổ đông lớn tại thời điểm 06 tháng cuối năm dương lịch	Chậm nhất là ngày 30/01 năm tiếp theo (<i>căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 31/12</i>)	P.TC-HC

<i>Stt</i>	<i>Nội dung CBTT</i>	<i>Thời hạn CBTT</i>	<i>Bộ phận cung cấp</i>
B	CBTT BẮT THƯỜNG		
18	Tài khoản của công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong toả theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong toả	Trong thời hạn 24 giờ	P.KT-TV
19	Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh	Trong thời hạn 24 giờ	P.TC-HC
20	Thay đổi nội dung đăng kí doanh nghiệp	Trong thời hạn 24 giờ	P.TC-HC
21	CBTT về thay đổi nội dung trong giấy chứng nhận đăng kí doanh nghiệp, giấy phép thành lập và hoạt động hoặc giấy phép hoạt động <i>Mẫu 05_CBTT/SGDHN</i>	Gửi kèm bản sao hợp lệ giấy chứng nhận đăng kí doanh nghiệp / giấy phép thành lập và hoạt động hoặc giấy phép hoạt động thay đổi cho HNX	P.TC-HC
22	Bị thu hồi giấy chứng nhận đăng kí doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động hoặc giấy phép hoạt động	Trong thời hạn 24 giờ	P.TC-HC
23	Quyết định mua hoặc bán cổ phiếu quỹ	Trong thời hạn 24 giờ	P.KT-TV
24	Quyết định ngày thực hiện quyền mua cổ phiếu của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phiếu hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi sang cổ phiếu	Trong thời hạn 24 giờ	P.KT-TV
25	Quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán chứng khoán theo quy định pháp luật về doanh nghiệp	Trong thời hạn 24 giờ	P.KT-TV
26	Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức, quyết định tách, gộp cổ phiếu	Trong thời hạn 24 giờ	P.KT-TV
27	Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp), giải thể doanh nghiệp, phá sản doanh nghiệp	Trong thời hạn 24 giờ	P.KT-TV

<i>Stt</i>	<i>Nội dung CBTT</i>	<i>Thời hạn CBTT</i>	<i>Bộ phận cung cấp</i>
28	Quyết định thay đổi mã số thuế, tên công ty, con dấu của công ty	Trong thời hạn 24 giờ	P.TC-HC
29	Quyết định thay đổi địa điểm, thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện	Trong thời hạn 24 giờ	P.TC-HC
30	Quyết định ban hành, sửa đổi Điều lệ	Trong thời hạn 24 giờ	P.TC-HC
31	Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty	Trong thời hạn 24 giờ	TGD
32	Quyết định thay đổi kì kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật)	Trong thời hạn 24 giờ	P.KT-TV
33	Thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã kí hợp đồng kiểm toán BCTC năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã kí hợp đồng)	Trong thời hạn 24 giờ	P.KT-TV
34	Việc huỷ hợp đồng kiểm toán đã kí	Trong thời hạn 24 giờ	P.KT-TV
35	Kết quả điều chỉnh hồi tố BCTC (nếu có)	Trong thời hạn 24 giờ	P.KT-TV
36	Ý kiến không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần của kiểm toán viên đối với BCTC	Trong thời hạn 24 giờ	P.KT-TV
37	Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết, hoặc bán để giảm sở hữu tại công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết <i>Ngoài việc CBTT theo quy định, phải thực hiện theo mẫu 06_CBTT/SGDHN</i>	Trong thời hạn 24 giờ	P.KT-TV
38	Trường hợp công ty thay đổi mô hình công ty (tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc bán để giảm sở hữu tại công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con,	Trong thời hạn 24 giờ	P.TC-HC

<i>Stt</i>	<i>Nội dung CBTT</i>	<i>Thời hạn CBTT</i>	<i>Bộ phận cung cấp</i>
38	công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết), ngoài việc thực hiện công bố thông tin theo quy định, tổ chức đăng ký giao dịch thực hiện đăng ký theo <i>Mẫu 06_CBTT/SGDHN</i>		
39	Quyết định của ĐHĐCĐ hoặc HĐQT thông qua hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người nội bộ hoặc người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của công ty đại chúng	Trong thời hạn 24 giờ	P.KT-TV
40	Thay đổi số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành. Thời điểm CBTT thực hiện như sau: - Công ty phát hành thêm cổ phiếu hoặc trái phiếu chuyển đổi, cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu tính từ thời điểm công ty báo cáo UBCKNN về kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán; - Công ty giao dịch cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm công ty báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu quỹ theo quy định pháp luật về giao dịch cổ phiếu quỹ; - Công ty mua lại cổ phiếu của người lao động theo chương trình lựa chọn của người lao động trong công ty hoặc mua lại cổ phiếu lẻ của công ty thông qua công ty chứng khoán, công ty CBTT trong vòng 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày CBTT	Trong thời hạn 24 giờ	P.KT-TV
41	Quyết định về việc thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ <i>Mẫu 02_CBTT/SGDHN</i> và <i>Mẫu 03_CBTT/SGDHN</i> kèm theo quyết định, nghị quyết về thay đổi nhân sự <i>Công ty gửi bản cứng cho UBCKNN bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới (nếu có) theo Phụ lục số 03 trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày thay đổi</i>	Trong thời hạn 24 giờ	P.TC-HC
42	Công ty nhận được đơn từ chức của người nội bộ	Trong thời hạn 24 giờ	P.TC-HC

<i>Stt</i>	<i>Nội dung CBTT</i>	<i>Thời hạn CBTT</i>	<i>Bộ phận cung cấp</i>
43	Trường hợp có phát sinh thay đổi người có liên quan của người nội bộ <i>Mẫu 04_CBTT/SGDHN và Mẫu 03_CBTT/SGDHN</i>	Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày thay đổi	P.TC-HC
44	Nhận được quyết định khởi tố đối với công ty, người nội bộ của công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của công ty	Trong thời hạn 24 giờ	P.TC-HC
45	Nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của toà án liên quan đến hoạt động công ty	Trong thời hạn 24 giờ	P.TC-HC
46	Quyết định xử phạt của cơ quan thuế về việc công ty vi phạm pháp luật về thuế	Trong thời hạn 24 giờ	P.KT-TV
47	Công ty nhận được thông báo của toà án thụ lí đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp	Trong thời hạn 24 giờ	P.TC-HC
48	Trường hợp công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính công ty, công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó	Trong thời hạn 24 giờ	P.KT-TV
49	Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của công ty	Trong thời hạn 24 giờ	P.KT-TV P.TC-HC
50	Được chấp thuận hoặc huỷ bỏ niêm yết tại sở giao dịch chứng khoán nước ngoài	Trong thời hạn 24 giờ	P.TC-HC
51	Quyết định tăng, giảm vốn Điều lệ	Trong thời hạn 24 giờ	P.KT-TV
52	Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác có giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của công ty tại BCTC năm gần nhất được kiểm toán hoặc BCTC bán niên gần nhất được soát xét	Trong thời hạn 24 giờ	P.KT-TV
53	Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận góp vốn trước thời điểm góp vốn)	Trong thời hạn 24 giờ	P.KT-TV
54	Quyết định mua, bán tài sản có giá trị từ 15% trở lên trên tổng tài sản của công ty tính tại BCTC năm gần nhất được kiểm	Trong thời hạn 24 giờ	P.KT-TV

<i>Stt</i>	<i>Nội dung CBTT</i>	<i>Thời hạn CBTT</i>	<i>Bộ phận cung cấp</i>
54	toán hoặc BCTC bán niên gần nhất được soát xét. Trường hợp công ty đại chúng là công ty mẹ thì căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất	Trong thời hạn 24 giờ	P.KT-TV
55	Sau khi thay đổi kì kế toán, công ty đại chúng công bố BCTC cho giai đoạn giữa hai kì kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán kế nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới	P.KT-TV
56	Đối với các sự kiện cần có sự chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền	Thực hiện CBTT theo quy định kể từ khi ban hành quyết định / nghị quyết và CBTT trong thời hạn 24 giờ khi nhận được văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền	P.KT-TV P.TC-HC
C	CBTT THEO YÊU CẦU		
57	Theo yêu cầu của UBCKNN, HNX khi: - Xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư; - Có thông tin liên quan đến công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó	Trong thời hạn 24 giờ khi nhận được yêu cầu	P.KT-TV
D	CBTT LIÊN QUAN ĐẾN NGÀY ĐĂNG KÍ CUỐI CÙNG THỰC HIỆN QUYỀN CHO CỔ ĐÔNG HIỆN HỮU		
58	Thực hiện CBTT cho UBCKNN, VSD, HNX, đồng thời CBTT về ngày đăng kí cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông và các tài liệu liên quan	Chậm nhất 20 ngày làm việc trước ngày đăng kí cuối cùng thực hiện quyền tham dự họp ĐHCĐ và chậm nhất 10 ngày làm việc trước ngày đăng kí cuối cùng dự kiến thực hiện các quyền khác	Người CBTT
59	Trường hợp huỷ nội dung thông báo về ngày đăng kí cuối cùng thực hiện quyền liên quan đến tỉ lệ thực hiện và ngày đăng kí cuối cùng đối với các trường hợp phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và các trường hợp liên quan đến việc điều chỉnh giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền theo Quy chế hướng dẫn giao dịch chứng khoán của HNX, CBTT và gửi thông báo cho HNX nêu rõ lí do huỷ	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra thông báo, nhưng chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày đăng kí cuối cùng	P.KT-TV

<i>Stt</i>	<i>Nội dung CBTT</i>	<i>Thời hạn CBTT</i>	<i>Bộ phận cung cấp</i>
E	CBTT LIÊN QUAN ĐẾN CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC		
60	Hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng kí giao dịch và báo cáo sử dụng vốn	Theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành, niêm yết, đăng kí giao dịch chứng khoán	P.KT-TV
61	Công bố thông tin về tỉ lệ sở hữu nước ngoài	Theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán	P.KT-TV
62	Công bố thông tin về giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ	Theo quy định pháp luật về việc mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ	P.KT-TV
63	Tổng tài sản (ghi trong sổ kế toán) giảm hơn 10% do mua lại cổ phiếu của chính mình	CBTT và báo cho các chủ nợ trong vòng 15 ngày kể từ ngày hoàn tất thanh toán	P.KT-TV

PHỤ LỤC 2

HƯỚNG DẪN CBTT CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC

1. CBTT về sở hữu cổ phiếu của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của Công ty

- Tổ chức, cá nhân, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của Công ty hoặc khi không còn là cổ đông lớn phải CBTT và báo cáo về giao dịch cổ phiếu cho Công ty, UBCKNN và HNX theo mẫu số 16 – CĐL tại Phụ lục 3 kèm theo Quy chế này trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn.

- Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của Công ty khi có sự tăng, giảm tỉ lệ sở hữu cổ phiếu qua ngưỡng 1% phải CBTT và báo cáo cho Công ty, UBCKNN và HNX theo mẫu số 17 – CĐL tại Phụ lục 3 kèm theo Quy chế này trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có sự thay đổi trên.

Không áp dụng CBTT đối với các đối tượng không chủ động thực hiện giao dịch trong trường hợp thay đổi tỉ lệ nắm giữ cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết phát sinh do Công ty giao cổ phiếu quỹ hoặc phát hành thêm cổ phiếu.

- CBTT trên website của Công ty trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỉ lệ sở hữu cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, chứng chỉ quỹ của các đối tượng này.

2. CBTT về giao dịch của người nội bộ, người có liên quan của Công ty, người có liên quan của người nội bộ

Người nội bộ của Công ty và người có liên quan của đối tượng này phải công bố thông tin, báo cáo trước và sau khi thực hiện giao dịch cho Công ty, UBCKNN và HNX khi giá trị giao dịch dự kiến trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá (đối với cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi) hoặc theo giá phát hành gần nhất (đối với chứng quyền có bảo đảm) hoặc giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi), kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại HNX (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng chứng khoán và các trường hợp khác), cụ thể như sau:

- Trước khi thực hiện giao dịch: Trước ngày thực hiện giao dịch tối thiểu là 03 ngày làm việc, người nội bộ, người có liên quan của Công ty và người có liên quan của người nội bộ phải CBTT và báo cáo UBCKNN, HNX và Công ty về việc dự kiến giao dịch cổ phiếu theo mẫu số 18 – GD NNB tại Phụ lục 3 kèm theo Quy chế này. Thời hạn thực hiện giao dịch không được quá 30 ngày, kể từ ngày đăng kí thực hiện giao dịch và chỉ được bắt đầu tiến hành phiên giao dịch đầu tiên vào ngày giao dịch liền sau ngày có thông tin công bố từ HNX (trừ trường hợp thực hiện giao dịch mua trong các đợt phát hành cổ phiếu hoặc giao dịch chào mua công khai, đối tượng phải CBTT được miễn trừ nghĩa vụ quy định tại điểm này và thực hiện theo quy định pháp luật về hoạt động chào bán, phát hành, chào mua công khai).

Người nội bộ, người có liên quan của Công ty và người có liên quan của người nội bộ không được đồng thời đăng kí giao dịch mua và bán cổ phiếu trong cùng một đợt đăng kí và phải thực hiện giao dịch theo đúng thời gian và khối lượng đã đăng kí.

- Sau khi thực hiện giao dịch: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng kí) hoặc kết thúc trước thời hạn dự kiến giao dịch, người nội bộ, người có liên quan của Công ty và người có liên quan của người nội bộ phải báo cáo cho UBCKNN, HNX và Công ty về kết quả giao dịch theo mẫu số 19 – GD NNB tại Phụ lục 3 kèm theo Quy chế này, đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng kí (nếu có).

- Người nội bộ, người có liên quan của Công ty và người có liên quan của người nội bộ chỉ được đăng kí và thực hiện giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó.

- Trường hợp sau khi đăng kí giao dịch, đối tượng đăng kí giao dịch không còn là người nội bộ, người có liên quan của Công ty và người có liên quan của người nội bộ, đối tượng đăng kí giao dịch vẫn phải thực hiện báo cáo và CBTT theo quy định.










- Trường hợp công ty chứng khoán là người có liên quan của người nội bộ của Công ty, đăng kí giao dịch, khi thực hiện sửa lỗi giao dịch cổ phiếu niêm yết, đăng kí giao dịch, Công ty phải báo cáo UBCKNN, HNX và Công ty trong vòng 24 giờ, kể từ thời điểm hoàn thành giao dịch sửa lỗi.











- Trường hợp công ty mẹ của Công ty hoặc các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội của Công ty (Công đoàn, Đoàn thanh niên,...), cá nhân giữ chức danh quản lí khác theo quy định tại Điều lệ công ty thực hiện giao dịch cổ phiếu phải thực hiện nghĩa vụ CBTT như quy định đối với người nội bộ.

- Công ty CBTT trên website trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến giao dịch cổ phiếu của người nội bộ, người có liên quan của Công ty và người có liên quan của người nội bộ./.

PHỤ LỤC 3

CÁC BIỂU MẪU CBTT

Stt	Ký hiệu mẫu biểu	File mẫu	Nội dung
1	Mẫu 01 – BCTN	 Mau 01 - BCTN.docx	Báo cáo thường niên (Thông tư số 96/2020/TT-BTC)
2	Mẫu 02 – BCCTT	 Mau 02 - BCCTT.docx	Bản cung cấp thông tin người nội bộ (Thông tư số 96/2020/TT-BTC)
3	Mẫu 03 – BCQT	 Mau 03 - BCQT.docx	Báo cáo quản trị 06 tháng đầu năm/năm (Thông tư số 96/2020/TT-BTC)
4	Mẫu 04 - BC	 Mau 04 - BC.docx	Báo cáo tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán (Nghị định số 155/2020/NĐ-CP)
5	Mẫu 05 - THQ	 Mau 05 - THQ	Thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu (Quyết định 02/QĐ-VSD ban hành ngày 02/01/2020)
6	Mẫu 06 - DS	 Mau 06 - DS	Danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông lớn của Công ty đại chúng niêm yết/đăng ký giao dịch (Quyết định số 606/QĐ-SGDHN)
7	Mẫu 07 - NS	 Mau 07 - NS	Thay đổi nhân sự (Quyết định số 606/QĐ-SGDHN)
8	Mẫu 08 - NNB	 Mau 08 - NNB	Danh sách người nội bộ và người có liên quan (Quyết định số 606/QĐ-SGDHN)
9	Mẫu 09 - TB	 Mau 09 - NNB	Thông báo thay đổi người có liên quan của người nội bộ (Quyết định số 606/QĐ-SGDHN)

Stt	Ký hiệu mẫu biểu	File mẫu	Nội dung
10	Mẫu 10 - DKDN	 Mau 10 - DKDN	Thông báo thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép thành lập và hoạt động/Giấy phép hoạt động (Quyết định số 606/QĐ-SGDHN)
11	Mẫu 11 - MHCT	 Mau 11 - MHCT	Thông báo (thay đổi) mô hình công ty và loại báo cáo tài chính (Quyết định số 606/QĐ-SGDHN)
12	Mẫu 12 - SLCP	 Mau 12 - SLCP	Thông báo thay đổi số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành (Quyết định số 606/QĐ-SGDHN)
13	Mẫu 13 - CBTT	 Mau 13 - CBTT	Công bố thông tin bất thường (Quyết định số 606/QĐ-SGDHN)
14	Mẫu 14 – QTCT	 Mau 14 - QTCT	Bảng cung cấp thông tin về quản trị công ty (Quyết định số 606/QĐ-SGDHN)
15	Mẫu 15 – KT CBTT	 Mau 15 - CBTT	Thông báo về việc kết thúc nghĩa vụ công bố thông tin đối với công ty đại chúng quy mô lớn (Quyết định số 606/QĐ-SGDHN)
16	Mẫu 16 - CDL	 Mau 16 - CDL.docx	Báo cáo về ngày trở thành/không còn là cổ đông lớn (Thông tư số 96/2020/TT-BTC)
17	Mẫu 17 - CDL	 Mau 17 -CDL.docx	Báo cáo về giao dịch cổ phiếu của cổ đông lớn, nhà đầu tư sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty khi có thay đổi số lượng cổ phiếu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết (Thông tư số 96/2020/TT-BTC)
18	Mẫu 18 - GD NNB	 Mau 18 -NNB.docx	Thông báo Giao dịch cổ phiếu của Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ (Thông tư số 96/2020/TT-BTC)
19	Mẫu 19 - GD NNB	 Mau 19 - NNB.docx	Báo cáo Kết quả giao dịch cổ phiếu của Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ (Thông tư số 96/2020/TT-BTC)